**Biểu mẫu 1**

**Hội Nông dân tỉnh (thành phố)** …………………………..

**BÁO CÁO**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHONG TRÀO SẢN XUẤT KINH DOANH GIỎI NĂM 2018, KẾ HOẠCH NĂM 2019**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh hiệu hộ sản xuất kinh doanh giỏi các cấp** | **KẾT QUẢ NĂM 2018** | | | | **KẾ HOẠCH NĂM 2019** | | |
| **Số lượng (hộ)** | **Bình quân thu nhập (sau khi đã trừ chi phí) của hộ đạt danh hiệu nông dân sản xuất kinh doanh giỏi**  **(đồng)** | **Bình quân 1 hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi đã giúp đỡ số hộ khó khăn về vốn, vật tư, kỹ thuật, kinh nghiệm để phát triển sản xuất, kinh doanh** | **Bình quân 1 hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi giúp đỡ số lao động có việc làm ở địa phương** | **Số hộ đăng ký đạt danh hiệu hộ nông dân sản xuất kinh doanh giỏi** | **Tổng số hộ nông dân** | **Tỷ lệ %**  **(hộ đăng ký/tổng số hộ nông dân)** |
| **1** | **Cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn)** |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Cấp huyện (Thị xã, quận, thành phố trực thuộc tỉnh)** |  |  |  |  |  |  |  |
| **3** | **Cấp tỉnh (T.P trực thuộc Trung ương)** |  |  |  |  |  |  |  |
| **4** | **Cấp trung ương** |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú****: Việc thống kê đạt danh hiệu nông dân sản xuất kinh doanh giỏi hàng năm theo Quy định số 944 ngày 04/9/2014,không căn cứ vào việc đã tổ chức hội nghị tổng kết và cấp giấy chứng nhận, quyết định công nhận danh hiệu nông dân sản suất kinh doanh giỏi các cấp trong năm.*